

TỔNG HỢP TIN TỨC THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Thị trường Mỹ tăng điểm trước thông tin khả quan về chỉ số giá sản xuất. Chỉ số Dow Jones đã tăng lên mức cao nhất trong vòng 17 tháng qua. Hôm qua, chỉ số PPI (Producer Price Index) trong tháng 2 được công bố ở mức giảm 0,6% đã góp phần khẳng định thêm nhận định của FED rằng lạm phát chưa phải vấn đề đáng lo ngại và FED sẽ tiếp tục duy trì mức lãi suất thấp để hỗ trợ nền kinh tế Mỹ.

Các thị trường chính trên thế giới cũng đồng loạt tăng điểm. Chỉ số MSCI World Index của 23 nước phát triển tăng 0,8% còn chỉ số MSCI cho các thị trường mới nổi cũng tăng 1,4%.

Trong khi đó chỉ số US Dollar Index giảm gần 1% xuống mức 79,85, trong khi đó, đồng Bảng Anh lại tăng giá khi số lượng thất nghiệp bất ngờ giảm mạnh với mức giảm lớn nhất kể từ năm 1997.

Lãi suất cho vay cao bất thường chỉ là số ít. Sau khi có thông tin không chính thức về việc các ngân hàng cho vay với lãi suất cao bất thường, thậm chí lên tới trên 30%. Đầu giờ sáng ngày hôm nay, 18/03/2010, nhiều phương tiện thông tin đại chúng đã đăng thông tin phản hồi từ đại diện các ngân hàng. Theo đại diện một số ngân hàng, các khoản vay lãi suất cao chỉ là các trường hợp cá biệt. Lãi suất cho vay trung và dài hạn chủ yếu ở mức từ 15-16%.

Ngân hàng Nhà nước vừa yêu cầu NHNN - Chi nhánh TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng thu thập và cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng kinh doanh vàng. Theo Ngân hàng Nhà nước, việc yêu cầu các chi nhánh Ngân hàng Nhà nước cung cấp các thông tin, số liệu trên là để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thêm cơ sở đánh giá tác động của việc ban hành Nghị định quản lý hoạt động kinh doanh vàng mới thay thế Nghị định số 174/1999/NĐ-CP và Nghị định số 64/2003/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.

Trước đó, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Nguyễn Văn Bình cho biết hiện chức năng quản lý của NHNN đối với vàng theo các văn bản pháp luật liên quan còn có sự khác biệt. Theo Luật NHNN, NHNN có trách nhiệm quản lý hoạt động kinh doanh vàng nhưng theo Pháp lệnh Ngoại hối và các nghị định của Chính phủ, NHNN chỉ quản lý một số hoạt động liên quan đến kinh doanh vàng. Các hoạt động mua bán, sản xuất gia công vàng của doanh nghiệp; hoạt động xuất nhập khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ thuộc sự quản lý, cấp phép của Sở Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Công thương, Bộ Tài chính.

Thị trường chứng khoán thế giới

Phiên giao dịch 17/03/2010

Mỹ	Đóng cửa	Thay đổi	±%
Dow Jones	10.733,67	+47,69	+0,45
Nasdaq	2.389,09	+11,08	+0,47
S&P 500	1.166,21	+6,75	+0,58
Châu Âu			
FTSE 100	5.644,63	+24,2	+0,43
DAX 30	6.024,28	+53,29	+0,89
CAC 40	3.957,89	+18,94	+0,48
Châu Á			
Nikkei 225	10.846,98	125,27	1,17
Hang Seng	21.371,19	+348,26	+1,66
Shanghai	3.050,48	+57,64	+0,52

Thị trường dầu, vàng và dollar

	Giá	Giao dịch ³
Dầu thô ¹	82,57	5:14 pm
Vàng ²	1.124,0	5:14 pm
US dollar index	79,85	4:59 pm

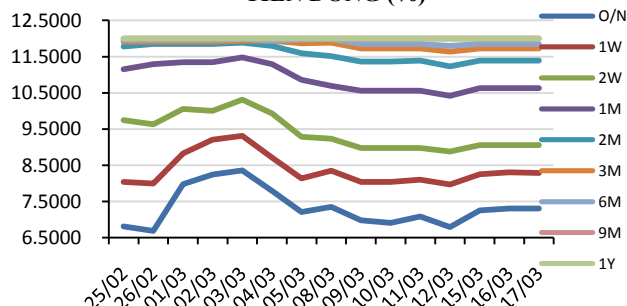
1- Dầu thô nhẹ giao tháng 4 - New York Mercantile Exchange

2- Vàng kỳ hạn - Commodity Exchange Inc.

3- Phiên giao dịch theo giờ New York (GMT-5)

Nguồn: Yahoo Finance

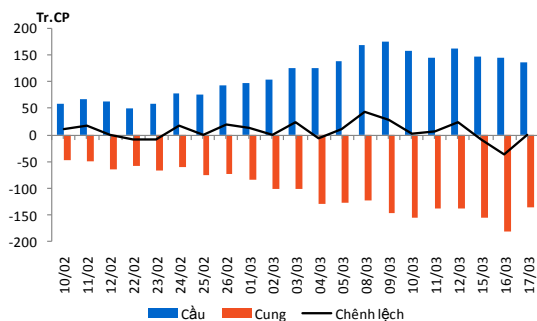
LÃI SUẤT BÌNH QUÂN LIÊN NGÂN HÀNG TIỀN ĐỒNG (%)



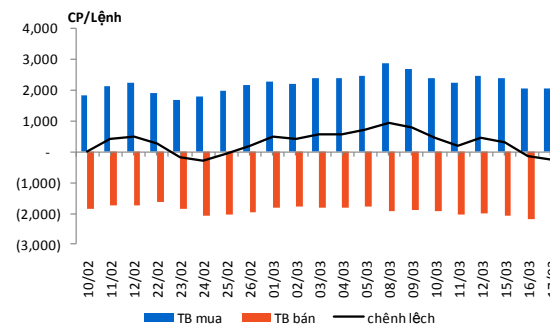
Nguồn: Thomson Reuters

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

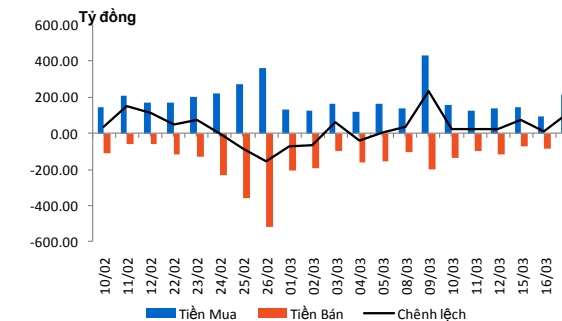
Diễn biến Cung – Cầu (niêm yết)



Diễn biến trung bình lệnh mua/bán (niêm yết)



Diễn biến giao dịch của NĐTNN (niêm yết)



HSX

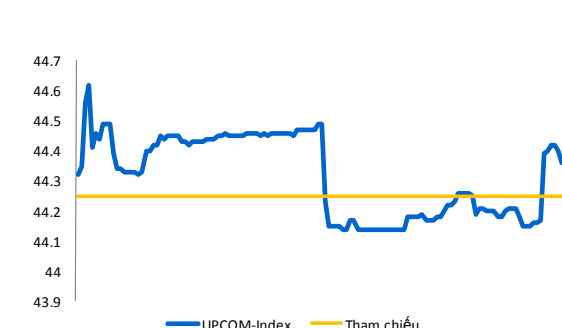
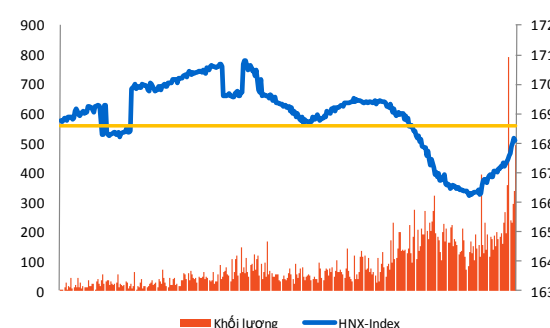
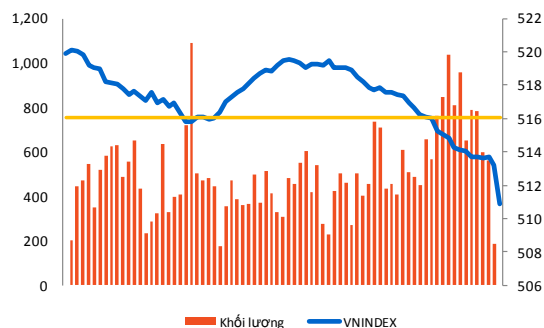
	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	510.85 ↓	-5.23	-1.01%
KLGD (triệu ck)	51.36 ↓	-15.93	-23.67%
GTGD (tỷ đồng)	2,247.95 ↓	-653.72	-22.53%
Tổng cung (triệu ck)	93.55 ↓	-29.69	-24.09%
Tổng cầu (triệu ck)	92.42 ↓	-4.41	-4.55%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	3.37 ↑	1.73	105.77%
KL bán (triệu ck)	2.32 ↑	0.63	37.69%
Giá trị mua (tỷ đồng)	199.32 ↑	114.57	135.17%
Giá trị bán (tỷ đồng)	92.93 ↑	16.79	22.05%

HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	168.22 ↓	-0.45	-0.27%
KLGD (triệu ck)	30.07 ↓	-10.22	-25.36%
GTGD (tỷ đồng)	1,014.08 ↓	-341.98	-25.22%
Tổng cung (triệu ck)	43.04 ↓	-14.93	-25.76%
Tổng cầu (triệu ck)	44.33 ↓	-4.11	-8.49%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.49 ↑	0.13	35.10%
KL bán (triệu ck)	0.21 ↓	-0.11	-33.40%
Giá trị mua (tỷ đồng)	17.30 ↑	7.35	73.87%
Giá trị bán (tỷ đồng)	7.63 ↓	-2.51	-24.74%

UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	44.29 ↑	0.03	0.07%
KLGD (triệu ck)	0.34 ↑	0.10	43.21%
GTGD (tỷ đồng)	4.27 ↑	0.99	30.12%
Tổng cung (triệu ck)	0.73 ↑	0.16	27.57%
Tổng cầu (triệu ck)	0.64 ↑	0.12	23.70%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%



HSX**5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất**

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
REE	48,000	50,000	4.17	175,885
SSI	89,000	88,000	-1.12	175,157
HAG	86,000	85,500	-0.58	138,320
GMD	82,000	80,500	-1.83	108,988
STB	23,100	22,900	-0.87	63,614

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
FBT	14,200	14,900	700	4.93
STG	36,700	38,500	1,800	4.90
CMT	52,000	54,500	2,500	4.81
DCL	54,000	56,500	2,500	4.63
GDT	23,100	24,100	1,000	4.33

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
MCV	20,100	19,100	-1,000	-4.98
PHT	30,200	28,700	-1,500	-4.97
HMC	20,400	19,400	-1,000	-4.90
TLH	34,700	33,000	-1,700	-4.90
UIC	22,600	21,500	-1,100	-4.87

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
HAG	43,847	CTG	21,388
BVH	26,431	BVH	18,525
GMD	16,192	VIC	5,765
LCG	10,884	DHG	5,442
SJS	10,199	PVD	4,606

HNX**5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất**

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VCG	57,000	55,400	-2.81	196,437
KLS	25,800	25,400	-1.55	89,572
PVX	25,200	24,600	-2.38	41,247
ACB	35,100	35,000	-0.28	36,348
VGS	25,000	24,100	-3.60	33,064

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
PMC	34,300	36,700	2,400	7.00
VTV	54,400	58,200	3,800	6.99
NAG	12,900	13,800	900	6.98
DTC	89,100	95,300	6,200	6.96
CKV	23,000	24,600	1,600	6.96

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VC2	60,000	55,800	-4,200	-7.00
SHN	35,900	33,400	-2,500	-6.96
PTS	35,900	33,400	-2,500	-6.96
TXM	11,500	10,700	-800	-6.96
VIT	28,800	26,800	-2,000	-6.94

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
KLS	4,908	DBC	2,326
VCG	3,889	PLC	864
NTP	2,468	VCG	737
PVS	1,528	S96	702
SDT	804	PVX	673

UPCOM**5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất**

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VDS	16,000	15,900	-0.62	738
HDO	11,700	10,700	-8.55	709
UDJ	13,800	13,700	-0.72	559
APS	13,000	12,600	-3.08	477
ITD	17,000	17,000	0.00	473

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
DBM	14,800	16,200	1,400	9.46
PTP	9,800	10,700	900	9.18
CLS	9,100	9,700	600	6.59
ACE	18,000	19,000	1,000	5.56
BMJ	16,300	17,000	700	4.29

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
MAS	16,900	15,300	-1,600	-9.47
ACC	32,700	29,700	-3,000	-9.17
HDO	11,700	10,700	-1,000	-8.55
PPP	10,600	9,700	-900	-8.49
API	8,400	8,000	-400	-4.76

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ

Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa	KLGD (10 cp)	Tăng/Giảm (%)	Nơi giao dịch
DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	33.7	41,353	↓ -0.88	HSX
ICG	Công ty CP Xây dựng Sông Hồng	31.7	39,550	↓ -2.16	HNX
NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	8.3	-	→ 0.00	UPCOM
PDC	Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông	12.0	9,870	↓ -0.83	HNX
PET	Công ty CP Dịch vụ Du lịch Dầu khí	26.6	134,023	↑ 2.31	HSX
PGD	Công ty CP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	54.5	11,618	→ 0.00	HSX
PGS	Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	25.4	2,900	↑ 2.01	HNX
PHH	Công ty CP Hồng hà Dầu khí	40.0	26,280	→ 0.00	HNX
PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	7.0	1,184	↑ 2.94	UPCOM
PSP	Công ty CP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	7.0	622	→ 0.00	UPCOM
PVA	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	50.3	47,280	↑ 6.79	HNX
PVC	Công ty CP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	26.6	23,550	↓ -6.01	HNX
PVD	Công ty CP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	59.0	19,316	↓ -0.84	HSX
PVE	Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	16.9	3,560	↓ -0.59	HNX
PVF	Tổng công ty CP Tài chính Dầu khí	29.5	22,343	↓ -1.01	HSX
PVG	Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	22.4	13,110	↓ -3.86	HNX
PVI	Tổng công ty CP Bảo hiểm Dầu khí	26.7	10,160	↓ -2.55	HNX
PVS	Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	32.0	19,430	→ 0.00	HNX
PVT	Tổng công ty cổ phần vận tải Dầu khí	12.6	24,066	→ 0.00	HSX
PVX	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	24.6	166,280	↓ -2.38	HNX

LỊCH SỰ KIẾN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
Công ty công trình Viettel	238	1,925,000	10,000	08/04/2010	0
Công ty Cổ phần Sông Đà 19	15	1,925,000	12,300	17/03/2010	0
Xí nghiệp in Bảo Thanh Niên	78.5	1,912,051	11,000	04/03/2010	Từ 01/02/2010
Công ty Cổ phần Dệt Vĩnh Phú	55	4,177,700	10,500	01/03/2010	Từ 09/02/2010 đến 22/02/2010.

Danh sách các công ty mới nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
CTCP Chứng khoán Hòa Bình	HNX	300	16/03/2010
CTCP Khoáng sản Hòa Bình	HNX	12.7	12/03/2010
CTCP Tập đoàn Đại Dương	HSX	2500	12/03/2010
CTCP United Motor Việt Nam	HNX	375	10/03/2010
CTCP Đầu tư và Xây dựng Điện Mêca VNECO	HSX	90.075	10/03/2010
Ngân hàng TMCP Miền Tây	HSX	1000	09/03/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà	HNX	15.096	15/03/2010
CTCP Chứng khoán Vndirect	HNX	450	15/03/2010
CTCP Chứng khoán An Phát	HNX	135	15/03/2010
CTCP Xây dựng số 21 (Vinaconex 21)	HNX	40	10/03/2010

Lịch niêm yết lần đầu

Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà	VHF	UPCOM			07/05/2010
CTCP Que hàn Việt Đức	QHD	HNX	27/01/1900		22/04/2010
CTCP Thép Nhà Bè		UPCOM			16/04/2010
CTCP Vật tư Bến Thành	VT1	UPCOM			15/04/2010
CTCP Nước khoáng Khánh Hòa	VKD	UPCOM			12/04/2010
CTCP Tập đoàn Thiên Long	TLG	HSX	03/06/1900		26/03/2010
CTCP cơ khí lắp máy LILAMA		HNX	01/02/1900		25/03/2010
CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây	PTH	UPCOM			23/03/2010
CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	CTI	HNX	29/05/1900		19/03/2010
CTCP Nhựa – Bao Bì Vĩnh	VBC	HNX	18/01/1900		17/03/2010
CTCP Hồng Hà Dầu khí	PHH	HNX	20/03/1900		17/03/2010
CTCP Tập đoàn Thép Tiên Lân	TLH	HSX	23/06/1901		16/03/2010
CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm cân	SNC	UPCOM			16/03/2010
CTCP Thương mại Bưu chính Viễn thông	CKV	HNX	09/02/1900		11/03/2010
CTCP Công nghệ Mạng và Truyền thông	CMT	HSX	20/03/1900		11/03/2010
CTCP Nam Dược	NDC	UPCOM			11/03/2010
CTCP Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai	DL1	HNX	15/01/1900		10/03/2010

Nguồn: HSX, HSX

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Phòng Phân tích - Ban Chiến lược Kinh doanh - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích – Ban chiến lược kinh doanh

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 62789898 (Ext.: 400)



CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

20 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 62789898; Fax: (84-4) 62788989

Phòng giao dịch số 2:

Tầng 1, tòa nhà Petro Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37727308; Fax: (84-4)37727312

Phòng giao dịch số 3

Tầng 1, tòa nhà 22 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4) 39393875-77; Fax: (84-4) 39393874

Phòng giao dịch số 4

Tầng 1, số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37724434; Fax: (84-4)39426800

Chi nhánh TP.HCM:

Số 1-5 Lê Duẩn, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339